**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN VĂN KHỐI 12**

**BÀI 1: VỢ CHỒNG A PHỦ - TÔ HOÀI**

**ĐỀ 1: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT MỊ**

**I. Mở bài**:

- Tô Hoài là một trong những nhà văn lớn của văn học Việt Nam hiện đại. Các tác phẩm của ông đã góp phần làm nên diện mạo của VHVN thế kỉ XX.

- Vợ chồng A Phủ là kết quả chuyến đi thực tế của Tô Hoài cùng bộ đội vào giải phóng vùng Tây Bắc (1952)

- Tác giả đã thành công khi xây dựng nhân vật Mị- một người con gái tiềm sống cam chịu, nhẫn nhục những vẫn tiềm tang sức sống.

 **II.Thân bài:**

**1. Nhân vật Mị.**

**a. Cách giới thiệu nhân vật Mị**

- Giới thiệu nhân vật với những nét đối nghịch:

+ Hình ảnh một cô gái âm thầm, như lẫn vào đồ vật: bên tảng đá, cạnh tàu ngựa với khung cảnh tấp nập nhà Pá Tra.

+ Một cô gái là dâu nhà quyền thế, giàu có nhất vùng mà lúc nào “cũng cúi mặt”, mặt buồn rười rượi”.

 Thủ pháp đối lập tạo ấn tượng về một số phận đầy giông bão. Đồng thời cũng kích thích trí tò mò của độc giả.

**b. Mị - Tài năng và phẩm chất đáng quý**

\* Là cô gái trẻ đẹp, tài hoa

- Là cô gái xinh đẹp, nhiều người mê: “trai làng đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buồng Mị”.

- Mị còn rất tài năng: “uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo”.

\* Là cô gái khao khát tự do, yêu lao động

- Van xin bố đừng bán mình cho nhà giàu, tự mình có thể cuốc nương, làm ngô trả nợ thay cho cha: “con nay đã biết cuốc nương làm ngô..., bố đừng bán con cho nhà giàu”.

 🡪Mị có đầy đủ phẩm chất đề sống hạnh phúc

**c. Mị- Cuộc đời làm dâu gạt nợ**

\* Nguyên nhân Mị phải làm dâu nhà Pá Tra

- Cha mẹ Mị cưới nhau không có tiền phải vay nhà thống lí Pá Tra.

- Mị bị bắt cóc làm dâu trừ nợ.

\* Khi mới về làm dâu

- Hàng mấy tháng trời, đêm nào Mị cũng khóc

- Trốn về nhà định ăn lá ngón tự tử.

- Thương cha nên không thể chết

\* Những ngày làm dâu nhà Pá Tra

- Bị bóc lột tàn nhẫn về sức lao động

+ Làm việc quần quật suốt năm, suốt tháng: “Tết xong lên núi hái thuốc phiện, giữa năm giặt đay, xe đay, đến mùa đi nương bẻ bắp”.

+ Vùi đầu vào công việc cả ngày lẫn đêm, làm việc hơn cả trâu, ngựa: “Con trâu con ngựa còn được gãi chân, nhai cỏ, đàn bà con gái trong nhà này thì vùi đầu vào công việc cả ngày đêm”.

- Bị hành hạ về thể xác

+ Bị trói vào buồng tối

+ Bị đạp vào mặt khi bóp thuốc

+ Bị đánh ngã ngay xuống cửa bếp

- Khô cằn về tâm hồn

+ Không gian: căn buồng nhỏ, kín mít “có một ô cửa sổ nhỏ bằng bàn tay, nhìn ra chỉ thấy một màu trăng trắng, không biết là sương hay là nắng”. -> ngục giam tinh thần.

+ Thời gian: "Mị làm dâu đã mấy năm", nhưng "từ năm nào cô không nhớ …"  không còn ý thức về thời gian, về cuộc đời làm dâu gạt nợ

+ Thái độ: Ở lâu trong cái khổ, Mị quen rồi. Mị “lùi lũi như con rùa nuôi nơi xó cửa” Mị bị ám ảnh kinh hoàng bởi con ma nhà thống lí Pá Tra -> Chế độ thần quyền ngự trị trong Mị. Mị sống cam chịu, nhẫn nhục khi làm dâu gạt nợ, sống là kéo dài những ngày chưa chết.

🡪Tác giả nhân danh quyền sống của con người để tố cáo chế độ phong kiến tàn bạo, tước toạt tự do, hạnh phúc của con người.

**d. Mị- Sức sống tiềm tàng**

\* Các yếu tố làm trỗi dậy khát vọng sống trong Mị.

• Khung cảnh mùa xuân

- Gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng.

- Những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá.

- Đám trẻ con chơi quay, cười ầm trên sân trước nhà.

• Âm thanh tiếng sáo

+ Ngoài đầu núi có tiếng sáo rủ bạn đi chơi. Tiếng sáo được miêu tả từ xa đến gần: “ngoài đầu núi lấp ló”, “văng vẳng đầu làng”, “lơ lửng bay ngoài đường”, “ trong đầu Mị rập rờn tiếng sáo”...

\* Diễn biến tâm trạng và hành động của Mị

- Nghe tiếng sáo, Mị “thiết tha bồi hồi, nhẩm theo lời bài hát”.

- Mị lén lấy hũ rượu “uống ừng ực từng bát”.

- Men rượu khiến Mị sống lại những kỉ niệm ngọt ngào của quá khứ: “lòng Mị đang sống về ngày trước”.

- Nghĩ về nỗi bất hạnh, tủi nhục của mình, Mị muốn tự tử: “nếu có nắm lá ngòn trong tay lúc này, mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa”

- Mị thấy mình còn trẻ và Mị muốn đi chơi: “xắn một miếng mỡ bỏ vào đĩa đèn cho sáng, quấn lại tóc, với tay lấy chiếc váy hoa...”

- Bị A Sử trói đứng “chân Mị vẫn vùng bước đi”. Bị dây trói thít chặt: “Mị cựa quậy xem mình còn sống hay đã chết”.

 Khung cảnh mùa xuân với âm thanh của tiếng sáo cùng với men rượu nồng nàn đã thổi bùng lên ngọn lửa khát khao sống trong tâm hồn Mị.

**e. Mị- Sự phản kháng mạnh mẽ:**

\* Chứng kiến A Phủ bị trói đứng:

- Lúc đầu:

+ Mị vẫn thức sưởi lửa suốt đêm.

+ Mị hoàn toàn vô cảm "A Phủ là cái xác đứng đó cũng thế thôi".

=> Vô cảm với mình và vô cảm với người khác.

- Thấy giọt nước mắt của A Phủ:

+ Thương mình: nhớ rằng mình đã từng bị trói đứng “nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ không biết lau đi được”.

+ Thương A Phủ, nhận thấy sự vô lí với A Phủ: “Người kia việc gì phải chết”.

=> Giọt mắt đã kết nối hai số phận với nhau. Mị đồng cảm với A Phủ và không sợ cường quyền.

- Có ý định cắt dây trói cho A Phủ:

+ Tưởng tượng: cứu A Phủ, mình sẽ bị trói thay vào cái cọc ấy.

+ Lòng thương người chiến thắng sự sợ hãi.

+ Quyết định cắt dây trói cho A Phủ.

- Sau khi cắt dây trói cho A Phủ

+ Mị hốt hoảng, thì thào “đi ngay”.

+ Mị đứng lặng trong bóng tối.

+ Lòng ham sồng trỗi dậy, Mị vụt chạy theo A Phủ.

+ Mị chạy trốn để giải thoát sự đày đọa

 => Hành động có ý nghĩa quyết định cuộc đời Mị, là kết quả tất yếu của sức sống vốn tiềm tàng trong tâm hồn người phụ nữ tưởng suốt đời cam chịu làm nô lệ.

3. Nghệ thuật:

- Bút pháp miêu tả tâm lí nhân vật

- Giọng văn nhẹ nhàng, tinh tế

- Ngôn ngữ giàu chất tạo hình.

**III. Kết bài**:

- Cuộc đời Mị là cuộc đời nô lệ điển hình của người phụ nữ dưới chế độ cũ. Mị có tài năng, có nhan sắc nhưng bị chà đạp tàn nhẫn. Tuy nhiên, ẩn sâu trong tâm hồn Mị là sức sống tiềm tàng và sự phản kháng mãnh liệt.

**2. NHÂN VẬT A PHỦ.**

**a. Số phận bất hạnh**

\* Lúc nhỏ:

- Mồ côi cả cha lẫn mẹ, không người thân thích

- Bị bắt đem đi đổi lấy thóc

- Quanh năm làm thuê nuôi thân

\* Lớn lên:

- Biết làm nhiều việc

- Là chàng trai khỏe mạnh: biết đúc luỡi cày, săn bò tót,… được nhiều cô gái mơ lấy làm chồng.

- Không thể lấy nổi vợ vì phép làng và tục lệ cưới xin ngặt nghèo.

 Nghèo khổ, cơ cực, không lối thoát

**b. Cuộc sống nô lệ ở nhà Pá Tra**

- Bị bóc lột sức lao động

- Bị đối xử tệ bạc: trói đứng, bỏ đói

 🡪Cuộc sống tủi nhục, cay đắng

**c. Phẩm chất tốt đẹp:**

\* Gan góc, mạnh mẽ.

- Bị bán cho người Thái, trốn lên núi

- Ngang tàng, sẵn sàng trừng trị kẻ xấu: dám đánh con quan.

- Bị đánh, vẫn không van xin, im lìm như tượng đá.

\* Không sợ cường quyền, kẻ ác

- Bị hổ vồ mất bò, về nhà xin Pá Tra vác súng đi săn hổ.

\* Có sức sống tiềm tàng mãnh liệt.

+ Bị trói: Nhay đứt hai vòng dây mây đang thít quanh cổ

+ Được Mị cởi dây trói: vùng chạy

 🡪 Là cơ sở để trở thành người chiến sĩ cách mạng sau này.

 **Tiểu kết**: A Phủ mang những tính cách điển hình cho những thanh niên miền núi Tây Bắc: chất phác, thật thà, khỏe mạnh... Tuy bị đẩy vào số phận khổ đau nhưng vẫn khát khao tự do.

**\* BÀI TẬP:**

1. Phân tích sức sống tiềm tàng của Mị trong đêm tình mùa xuân (trích “Vợ chồng A Phủ”-Tô Hoài)

2. Phân tích nhân vật A Phủ trong truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”-Tô Hoài?

 -------------------------------------------------------------------------------------

**BÀI 2: VỢ NHẶT – KIM LÂN**

**I. Tiểu dẫn:**

**1. Tác giả:** Kim Lân (1920 – 2007)

Thành công về đề tài nông thôn và người nông dân; có một số tác phẩm có giá trị về đề tài này.

**2. Tác phẩm:**

**a. Hoàn cảnh sáng tác**:

Vợ nhặt (in trong tập *Con chó xấu xí*, 1962) được viết dựa trên một phần cốt truyện cũ của tiểu thuyết Xóm ngụ cư.

**b. Ý nghĩa nhan đề**: Vợ nhặt → Tiêu đề độc đáo, tạo ấn tượng và sự ham tìm hiểu cho người đọc → Gợi suy nghĩ về thân phận người nông dân, về tội ác của kẻ thù → Giá trị hiện thực và nhân đạo.

**II. Đọc- hiểu văn bản:**

**1. Tình huống truyện:** Tràng nhặt được vợ → góp phần tìm hiểu tâm lí nhân vật, nêu bật chủ đề và tấm lòng của nhà văn.

- Hoàn cảnh chung:

“Cái đói… nhá nhem”: cơ cực, tăm tối, đói khát; con người bị đặt ngay trên bờ vực của cái chết. Sự nghịch lí trở thành hợp lí: trong hoàn cảnh đó Tràng mới có vợ

- Hoàn cảnh cụ thể: kéo xe bò ra tỉnh, hò chơi mấy câu, có người ra đẩy giúp.

Lần gặp thứ hai, mời bốn bát bánh đúc, nói nửa thật nửa đùa 🡪 có vợ.

→Tràng nhặt được vợ một cách ngẫu nhiên, hài hước. Tuy thế, tình thương người trong anh cũng thật cao đẹp dù trong một hoàn cảnh thật chua chát, bi thương→thể hiện Giá trị hiện thực và nhân đạo.

**2. Tìm hiểu các nhân vật:**

**a. Nhân vật Tràng**:

- Nghèo khó, làm nghề đẩy xe bò thuê, đầy vẻ nông dân, lam lũ nhưng chất phác và bình dị đến thô kệch.

→ Cách miêu tả cụ thể, sinh động đã khắc hoạ một hình tượng nghệ thuật có tính điển hình, Tràng là người lao động nghèo, tốt bụng và cởi mở.

- Nhặt được vợ:

Lần 1: kéo xe bò ra Tỉnh, hò chơi mấy câu, có người ra đẩy giúp → cởi mở, thân thiện, chất phác.

Lần 2: mời bốn bát bánh đúc, nói nửa thật nửa đùa 🡪có vợ → Tràng có tấm lòng bao dung, nhân ái, dù nghèo khổ cũng sẵn sàng mở rộng vòng tay cưu mang một người nghèo khổ hơn mình.

- Tràng đưa vợ về làng:

+ Thái độ của người dân xung quanh: “Mấy khuôn …hẳn lên..cuộc sống”: Mừng rỡ, ngạc nhiên vừa vui vừa lo cho Tràng.

+ Tư tưởng của Tràng

 Lúc đầu còn sợ hãi, anh lo vì hoàn cảnh khó khăn chung nhưng rồi quyết định đánh liều → khát vọng về một cuộc sống hạnh phúc.

 Lúc sau thì Tràng vui hơn với những cảm xúc mới mẻ: vừa ngạc nhiên vừa lâng lâng hạnh phúc, vui sướng → Hạnh phúc có thể làm thay đổi con người, khiến họ trở lên tốt đẹp hơn, đáng yêu hơn.

- Tràng sau một đêm có gia đình:

Tâm trạng: “Trong người lơ lửng…, thay đổi lại”: Thương yêu gia đình lạ lùng, con người như được hồi sinh, anh hướng về sự sống và nghĩ đến việc tạo lập hạnh phúc vượt lên trên cái đói, cái chết đang vây bủa. → Tâm lí nhân vật được khai thác rất tinh tế và sinh động dưới ngòi bút sáng tạo của KL.

**b. Nhân vật bà cụ Tứ:**

- Cụ Tứ là một người nông dân điển hình. Vẻ ngoài, tính cách, tâm lí của bà cụ được tác giả đặc biệt chú ý.

- Diễn biến tâm lí của bà cụ Tứ.

+ Khi thấy Tràng “lật đật…đón”, nhìn thấy một người đàn bà thưa mình: “bà cụ nhấp nháy” “phấp phỏng” “đứng sững lại, ngạc nhiên …” “Bà hấp tấp…thì phải”: Sửng sốt, ngạc nhiên tột độ, như không tinmắt mình → không dám nghĩ việc con mình lại có vợ→ Sự tinh tế của KL

+ Khi Tràng giới thiệu vợ mình thì tâm trạng cụ Tứ được thể hiện “bà lão…này không”

→ Trong lòng cụ Tứ trào lên nhiều cảm xúc phức tạp, thương xót cho số kiếp của con mình. Tủi thân khi nghĩ đến gia cảnh nghèo hèn, trách đến bổn phận của mình chưa làm tròn nghĩa vụ với con, lo lắng cho tương lai của con giữa lúc đói khát này… Bà xót xa, nghẹn ngào “Trong kẽ…nước mắt” → Tâm lí rất thương con của một bà mẹ từng trải, quê mùa, nghèo túng.

- Nghĩ đến con dâu: vừa thương vừa thông cảm cho con dâu, lại thấy mừng vì con mình đã lấy được vợ và hi vọng con qua được giai đoạn đói khát này → Lời nói giản dị mà sâu sắc.

- An ủi con “Nhà ta …về sau” động viên, hi vọng vào tương lai.

- “Bà nhìn…kia không” → cả nghĩ, lo xa. Bà ý thức được hoàn cảnh éo le của gia đình, càng thương con và đau đớn hơn.

→ Tâm lí bà cụ được miêu tả đan xen giữa những thái cực đối lập, buồn, vui, mừng, tủi, âu lo, hi vọng…

Sau 1 đêm Tràng có vợ: “Nhẹ nhõm…ngày thường” tin tưởng, hi vọng vào tương lai → Bữa cơm của gia đình: ấm áp và chan chứa tình cảm dù cái đói vẫn còn đó, khó khăn vẫn vây kín nhưng con người đã luôn hướng tới một ngày mai tươi sáng hơn.

\* Nồi “chè khoán” → gợi chua chát nhưng đậm hiện thực → không hề khỏa lấp đi đời sống còn rất cơ hàn của người nông dân xưa, thông qua đó tố cáo tội ác của bè lũ xâm lược.

\* Bà cụ Tứ tiêu biểu cho những người mẹ VN hết lòng thương con, giàu lòng vị tha, một người lạc quan, giàu niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng. KL thấu hiểu tâm lí con người và có một vốn sống phong phú, diễn tả tài tình những cảm xúc của bà mẹ.

**c. Người “vợ nhặt”:**

- Không tên tuổi, nạn nhân của nạn đói.

- Những xô đẩy dữ dội của hoàn cảnh đã khiến “thị” chao chát, thô tục, đanh đá và chấp nhận làm “vợ nhặt”.

- Sâu thẳm trong con người này vẫn khao khát một mái ấm. “Thị” là một con người hoàn toàn khác khi trở thành người vợ trong gia đình: hiền hậu, đúng mực, chăm chỉ.

\* Hình ảnh lá cờ đỏ phấp phới cuối truyện đã tạo diện mạo hết sức mới mẻ và đầy tính lạc quan cho tác phẩm

=> Ba nhân vật có niềm khát khao sống và hạnh phúc, niềm tin và hi vọng vào tương lai tươi sáng và ở cả những thời khắc khó khăn nhất, ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết. Qua các nhân vật, nhà văn muốn thể hiện tư tưởng: “dù kề bên cái đói, cái chết, người ta vẫn khao khát hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng vào tương lai”.

**3. Nghệ thuật:**

- Xây dựng được tình huống truyện độc đáo;

- Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn; dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc.

- Nhân vật được khắc họa sinh động, đối thoại hấp dẫn, ấn tượng, thể hiện tâm lí tinh tế.

- Ngôn ngữ một mạc, giản dị nhưng chắt lọc và giàu sức gợi.

**4. Ý nghĩa văn bản:** Tố cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 và khẳng định: ngay trên bờ vực của cái chết, con người vẫn hướng về sự sống, tin tưởng ở tương lai, khát khao tổ ấm gia đình và thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.

**\*BÀI TẬP:**

1. Phân tích nhân vật Tràng trong truyện ngắn “Vợ nhặt” – Kim Lân?

2. Phân tích nhân vật người vợ nhặt trong truyện ngắn “Vợ nhặt” – Kim Lân?

3. Phân tích nhân vật bà cụ Tứ trong truyện ngắn “Vợ nhặt” – Kim Lân?

4. Phân tích truyện ngắn “Vợ nhặt”- Kim Lân để làm rõ tư tưởng “dù kề bên cái đói, cái chết, người ta vẫn khao khát hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng vào tương lai”?

5. Phân tích giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo trong truyện ngắn “Vợ nhặt”- Kim Lân

**BÀI 3: RỪNG XÀ NU-NGUYỄN TRUNG THÀNH**

**Đề 1. PHÂN TÍCH HÌNH TƯỢNG CÂY XÀ NU:**

**I.MỞ BÀI**

- Nguyễn Trung Thành là nhà văn trưởng thành trong cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.

- Truyện ngắn Rừng xà nu được viết năm 1965, khi đế quốc Mĩ đổ quân ào ạt vào miền Nam Việt Nam.

- Bên cạnh việc xây dựng tập thể anh hùng, Nguyễn Trung Thành đã thành công khi khắc họa hình tượng cây xà nu. Cây xà nu không chỉ mang vẻ đẹp tự nhiên, khỏe khắn mà còn tượng trưng cho những phẩm chất của con người Tây Nguyên.

**II. THÂN BÀI:**

**a. Cây xà nu mang ý nghĩa tả thực:**

- Gắn liền với đời sống sinh hoạt của dân làng Xô Man:

+ Mở đầu và kết thúc truyện đều là cảnh rừng xà nu => Đây là hình tượng trung tâm của thiên truyện.

+ Lửa xà nu cháy sáng mỗi bếp, cháy nơi nhà Ưng, khói xà nu xông bảng đen, đuốc xà nu cháy trên tay cụ Mết...

+ Đồi xà nu là nơi cụ Mết và Dít tiễn Tnú ra đi.

+ Rừng xà nu bảo vệ cho cả dân làng “rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn che chở cho dân làng”.

=> Cây xà nu là một phần của sự sống Tây Nguyên, nó gắn bó mật thiết với con người Tây Nguyên.

-Tham dự vào các sự kiện quan trọng trong cuộc sống của dân làng Xô Man:

+ Đuốc xà nu dẫn đường cho cụ Mết và dân làng vào rừng lấy giáo, mác để chuẩn bị nổi dậy.

+ Lửa xà nu thử thách lòng can đảm của Tnú.

+ Lửa xà nu sáng rực “soi rõ xác mười tên lính giặc ngổn ngang”.

+ Bên bếp lửa xà nu, cụ Mết tập hợp dân làng kể về cuộc đời đầy bi tráng của Tnú.

**b. Cây xà nu mang ý nghĩa biểu tượng: tượng trưng cho số phận và phẩm chất của con người Tây Nguyên:**

- Rừng Xà Nu đau thương:

+ Cây xà nu đau thương dưới bom đạn của kẻ thù:“Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào là không bị thương”. Tác giả đã chứng kiến nỗi đau của xà nu: “có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình đổ ào ào như một trận bão". Rồi "có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người bị đạn đại bác chặt đứt làm đôi”. Điều này tượng trưng cho những mất mát, đau thương mà dân làng Xô Man phải chịu đựng. Anh Xút, bà Nhan bị chặt đầu, Mai ngã xuống khi hạnh phúc đang ở độ viên mãn nhất, lưng Tnú ngang dọc những vết chém, tay Tnú bị tẩm nhựa xà nu và trở thành 10 ngọn đuốc...

- Rừng xà nu ham ánh sáng mặt trời:

+ Nguyễn Trung Thành viết “ít có loài cây nào ham ánh sáng mặt trời đến thế… nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, vô số những hạt bụi vàng bay ra từ nhựa cây thơm mỡ màng”. Cây xà nu cũng như Tnú, như dân làng Xôman yêu tự do, khát khao ánh sáng nên họ đã cầm giáo, cầm gươm quyết tâm bảo vệ vùng trời tự do ấy. Có thể nói, đặc tính “ham ánh sáng” của cây xà nu tượng trưng cho niềm khao khát tự do, lòng tin vào lý tưởng Cách mạng của người dân Tây Nguyên, của đồng bào miền Nam.

- Rừng Xà Nu bất khuất, kiên cường

+ Cây xà nu có khả năng sinh sôi mãnh liệt “Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khoẻ như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời”. Cũng như cây xà nu, nhiều thế hệ người dân Tây Nguyên, lớp này tiếp lớp khác cứ thế đứng lên: Anh Quyết hi sinh đã có Tnú thay thế, Mai ngã xuống đã có Dít đứng lên, các thế hệ tương lai thì có bé Heng kế tục.

=> Cây xà nu không chỉ mang vẻ đẹp của thiên nhiên mà còn là biểu tượng cho đau thương, mất mát và tinh thần kiên cường, bất khuất và lòng khát khao tự do của đồng bào Tây Nguyên.

**c. Nghệ thuật**

- Nghệ thuật xây dựng hình tượng cây xà nu: so sánh, đối chiếu, ngôn ngữ sử thi hào hùng, thủ pháp nhân cách hóa … đã tạo nên sự chuyển hóa, hòa hợp giữa hình tượng thiên nhiên và con người.

**III. KẾT BÀI:**

- Cuối tác phẩm, hình ảnh rừng Xà nu lại được miêu tả như một điệp khúc. Đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp nhau chạy đến chân trời.

- Hình ảnh rừng xà nu như một điệp khúc trong bản nhạc trầm hùng ngợi ca sức sống mãnh liệt và bất diệt của con người Tây Nguyên.

- Hình tượng cây Xà nu chính là một sáng tạo đặc sắc của Nguyễn Trung Thành.

**Đề 2. Phân tích nhân vật Tnú**

**I/ Mở bài :**

- Nguyễn Trung Thành là nhà văn trưởng thành trong cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.

- Truyện ngắn Rừng xà nu được viết năm 1965, khi đế quốc Mĩ đổ quân ào ạt vào miền Nam Việt Nam.

-Tác phẩm xoay quanh câu chuyện về dân làng Xô Man có truyền thống yêu nước và đấu tranh kiên cường trong kháng chiến chống Mĩ. Trong số những con người hiên ngang bất khuất của làng Xô Man, nổi bật hơn cả là hình ảnh Tnú.

**II/ Thân bài**

**1. Hoàn cảnh:**

- Tnú là người Strá, mồ côi cha mẹ từ rất sớm, được dân làng Xô Man cưu mang, đùm bọc. Tnú có tấm long trong sạch, theo như lời cụ Mết đã nói: “Đời nó khổ nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta”.

**2. Vẻ đẹp phẩm chất**

**a/ Một con người gan góc, thông minh, dũng cảm:**

+ Tiếp tế cho các cán bộ ở trong rừng mà không sợ bị chặt đầu hoặc treo cổ.

+ Học chữ, Tnú thể hiện quyết tâm bằng cách: “cầm lấy hòn đá, tự đập vào đầu”.

+ Làm liên lạc, Tnú tỏ ra rất thông minh: giặc vây các ngả đường thì xé rừng mà đi, qua sông lựa chỗ thác mạnh mà bơi, “vì chỗ nước êm thằng Mĩ hay phục”.

+ Bị giặc bắt thì nuốt luôn cái thư vào bụng, bị tra tấn không khai để chứng tỏ sự trung thành với cách mạng.

+ Bị giặc quấn giẻ tẩm nhựa xà nu lên mười đầu ngón tay và đốt nhưng Tnú vẫn giữ vững khí tiết của người cộng sản. Anh “không thèm kêu van”. Tiếng thét duy nhất của Tnú chính là hiệu lệnh thúc giục dân làng vùng lên giết giặc.

**b/ Một người biết vươn lên mọi đau đớn và bi kịch cá nhân**:

+ Bản thân 2 lần bị giặc bắt, bị tra tấn dã man (tấm lưng chằng chịt những vết chém, hai bàn tay bị đốt mỗi ngón chỉ còn lại hai đốt; vợ con bị giặc giết hại...) nhưng Tnú không khuất phục vẫn kiên cường, bền gan gia nhập bộ đội để cầm súng bảo vệ dân làng, quê hương, đất nước.

**c/ Là người có ý thức và tinh thần kỷ luật cao, trung thành với cách mạng:**

+ Xa bản làng ba năm, tuy nhớ nhà, nhớ quê hương, nhưng phải được cấp trên cho phép anh mới về và chỉ về đúng một đêm như qui định trong giấy phép.

+ Tin tưởng tuyệt đối vào Đảng, vào cách mạng. Tnú lấy lời của cụ Mết và khẳng định: “Đảng còn, núi nước này còn”.

+ Đôi bàn tay thương tật của anh vẫn giáng những đòn trừng phạt vào kẻ thù. Anh đã giết chết tên chỉ huy đồn giặc khi nó cố thủ trong hầm bằng chính đôi bàn tay cụt.

**d/ Là một người giàu tình yêu thương người thân và quê hương bản làng**:

- Yêu thương vợ con: Xé tấm dồ làm địu cho Mai địu con. Chứng kiến cảnh vợ con bị kẻ thù tra tấn dã man anh không kìm được nỗi đau đang đốt cháy lòng mình: “anh đã bứt đứt hàng chục trái vả mà không hay”, bất chấp lời can ngăn của cụ Mệt, Tnú vẫn “nhảy xổ vào giữa bọn lính” để che chở cho vợ con.

- Yêu bản làng, yêu quê hương đất nước: Trên đường trở về thăm làng, Tnú nhớ từng gốc cây, nhớ tiếng chày giã gạo… Anh để cho vòi nước của làng dội lên khắp người cho thỏa nỗi nhớ. Và cũng chính vì tình yêu quê hương mà Tnú đã tham gia là cách mạng.

**3. Đặc biệt hình ảnh bàn tay Tnú**

Đôi tay Tnú cũng có một cuộc đời:

+ Đó từng là bàn tay trung thực và tình nghĩa, từng cẩm phấn viết chữ anh Quyết dạy cho, từng cầm đá đập vào đầu khi quên chữ, từng đặt lên bụng mình mà nói “Cộng sản ở đây này”, từng được Mai cầm bàn tay ấy mà khóc khi Tnú thoát ngục trở về.

+ Đó còn là bàn tay của đau thương và thù hận: Khi giặc đốt 10 đầu ngón tay, bàn tay thành chứng tích của tội ác và lòng hận thù; bàn tay chỉ còn hai đốt mỗi ngón vẫn cầm giáo, cầm súng lên đường trả hận....

**\*Bi kịch cuộc đời Tnú**

- Với tay không:

+ Tnú không bảo vệ được vợ con: cả Mai và con đều chết dưới đòn thù.

+ Tnú không bảo vệ được bản thân: Anh bị giặc bắt, trói và đốt bằng nhựa xà nu.

- Khi có vũ khí:

+ Tnú được cứu sống.

+ Kẻ ác phải đền tội.

=> Thấm thía bài học là phải dùng bạo lực cách mạng để tiêu diệt bạo lực phản cách mạng: “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo”.

**4. Nghệ thuật**

 - Tnú được xây dựng bằng bút pháp sử thi bi tráng, anh trở thành người anh hùng của núi rừng Tây Nguyên.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật kết hợp giữa tả thực và biểu tượng. Đôi bàn tay Tnú là biểu tượng độc đáo cho cuộc đời và số phận của nhân vật

**III/. Kết bài**

- Cuộc đời và số phận của Tnú là điển hình cho con đường đấu tranh đến với cách mạng, từ đau thương đến căm hờn và quật khởi.

- Thông qua câu chuyện về Tnú, tác giả đặt ra một vấn đề lớn lao cho dân tộc: Để cho sự sống của đất nước và nhân dân mãi trường tồn, không có con đường nào khác là nhân dân phải đứng lên, cầm vũ khí chống lại kẻ thù.

**ĐỀ 3: PHÂN TÍCH TẬP THỂ NHÂN DÂN ANH HÙNG TRONG TRUYỆN *RỪNG XÀ NU***

**I. Mở bài**

- Giới thiệu tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. (như phần trên)

- Tác giả đã xây dựng được một hệ thống các nhân vật đại diện cho các thế hệ của dân làng Xô Man nối tiếp nhau trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

**II. Thân bài**

**1. Cụ Mết**

**a. Ngoại hình**

- Dù đã 60 tuổi nhưng ông cụ vẫn khỏe mạnh “vẫn quắc thước như xưa, râu bây giờ đã dài tới ngực và vẫn đen bóng, mắt vẫn sáng và xếch ngược”. Ông ở trần “ngực căng như một cây xà nu lớn”.

**b. Vị trí của cụ Mết đối với dân làng.**

- Cụ Mết là già làng, được mọi người kính trọng. Mỗi lời nói của cụ có tác động lớn đến dân làng: Khi cụ Mết kể chuyện, cả dân làng lắng nghe trong không khí nghiêm trang, tiếng ra lệnh của cụ Mết cất lên, dân làng hưởng ứng mạnh mẽ trong đêm đồng khởi.

- Ông cụ chính là gạch nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa Đảng và đồng bào Tây Nguyên.

 + Cụ tin tưởng tuyệt đối vào cách mạng: “ Cụ Mết nói: Cán bộ là Đảng, Đảng còn thì núi nước này còn”.

 + Trong những năm đen tối, cụ Mết cùng dân làng nuôi giấu cán bộ và suốt 5 năm trời chưa hề có một cán bộ bị bắt.

- Cụ Mết chính là chỉ huy vũ trang vừa là lãnh tụ tinh thần của dân làng:

+ Cụ có ý thức giáo dục truyền thống chiến đấu cho dân làng. Khi kể về cuộc đời Tnú, ông muốn nhắc nhớ cho con cháu hôm nay và muôn đời sau phải giữ vững tinh thần chiến đấu chống kẻ thù.

+ Chứng kiến cảnh vợ con Tnú bị hành hạ và sự bất lực của Tnú, cụ càng hiểu: chỉ có hai bàn tay trắng thì không thể đương đầu với chúng: “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo”

 + Cụ Mết đã cùng dân làng cầm vũ khí đứng dậy. Trong đêm đồng khởi, lệnh cụ thốt ra đơn giản, nhưng đầy sức nặng: “Thế là bắt đầu rồi, đốt lửa lên”

 Cụ Mết chính là linh hồn của dân làng, là cây xà nu cổ thụ tiêu biểu cho sức mạnh tinh thần, cho tính cách quật cường của đồng bào Tây Nguyên.

**2. Tnú (xem phần trước)**

**3. Dít**

- Lúc còn nhỏ, Dít là cô bé gan dạ, nhanh nhẹn, tham gia tích cực cho phong trào cách mạng. Trong thời gian dân làng Xô Man chuẩn bị chiến đấu, bị địc bao vậy, cụ Mết và Tnú dẫn thanh niên vào làng, chỉ có Dít “cứ sẩm tối lại bò theo máng nước đem gạo vào rừng cho cụ Mết, Tnú và thanh niên”.

- Khi bị bắt, Dít đã rất dũng cảm: “Nó đứng lặng giữa bọn lính, cứ mỗi viên đạn nổ, cái thân hình mảnh dẻ cùa nó lại quật lên một cái nhưng đôi mắt nó thì vẫn nhìn bọn giặc bình thản, lạ lùng”.

- Dít là lực lượng nòng cốt của cuộc cách mạng sau này. Cô vừa là Bí thư chi bộ vừa là chính trị viên xã đội.

- Dít có tính kỉ luật cao nhưng rất giàu tình cảm. Khi gặp Tnú, Dít không khỏi xúc động, nhìn anh rất lâu: “đôi mắt mở to, bình thản, trong suốt”, thế nhưng không quên trách nhiệm của mình khi hỏi Tnú: “ Đồng chí về có giấy phép không”.

**4. Bé Heng**

- Ngày Tnú ra đi lực lượng, bé Heng mới “đứng ngang bụng anh”.

- Dần dần bé Heng cũng lớn lên với cuộc kháng chiến. Khi gặp lại, Tnú không khỏi ngạc nhiên khi bé Heng hôm nay đã có dáng vẻ của “một người lính thật sự”.

- Heng thuộc từng con đường, hầm bẫy, hố chông, và trở thành người liên lạc như Tnú khi xưa. Heng chính là nhân vật tiếp nối của Tnú ở tương lai.

**5. Nghệ thuật**

- Xây dựng nhân vật với cảm hứng ngợi ca. Tuy nhiên mỗi nhân vật cũng mang đặc trưng riêng.

**III. Kết bài**

- Các nhân vật ở các thế hệ khác nhau nhưng đều đại diện cho cộng đồng và cũng là cho người Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

- Ở họ đều có chung một đặc điểm: tình yêu làng, yêu đất nước, lòng căm thù giặc sâu sắc.

 \* **BÀI TẬP:**

1. Phân tích hình tượng cây xà nu trong truyện ngắn “Rừng xà nu”- Nguyễn Trung Thành?

2. Phân tích nhân vật Tnú trong truyện ngắn “Rừng xà nu”- Nguyễn Trung Thành?

3. Phân tích tập thể nhân vật anh hùng trong truyện ngắn “Rừng xà nu”- Nguyễn Trung Thành?

**BÀI 4: CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA - Nguyễn Minh Châu**

**ĐỀ 1: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT NGƯỜI ĐÀN BÀ HÀNG CHÀI**

**I. MB**

- Nguyễn Minh Châu là cây bút tiên phong của nền Văn học Việt Nam thời kì đổi mới.

- Tác phẩm của NMC sau 1975 thường mang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh.

- Nhân vật là những con người trong hành trình nhọc nhằn đi kiếm tìm hạnh phúc.

- Chiếc thuyền ngoài xa được sáng tác năm 1983, in lần đầu trong tập Bến quê

- Nổi bật trong truyện ngắn chính là nhân vật người đàn bà hàng chài.

**II. TB**

**1. Tóm tắt sơ nét**.

Theo yêu cầu của trưởng phòng, nhiếp ảnh Phùng đến một vùng ven biển miền trung để chụp một bộ ảnh nghê thuật về Thuyền và Biển. Sau nhiều ngày, Phùng đã chụp được một cảnh trời cho. Đó là cảnh một chiếc thuyền ngoài xa ẩn trong sương sớm đẹp như một bức tranh mực tàu. Nhưng khi chiếc thuyền vào bờ, Phùng đã kinh ngạc khi chứng kiến từ chiếc thuyền đó là cảnh một người đàn ông vũ phu đánh đập vợ hết sức dã man. Và đứa con trai vì thương mẹ nên đã đánh trả lại cha mình.

Cảnh tượng đó lại tiếp diễn vào những ngày sau và Phùng đã rat ay can thiệp. Theo lời mời của chánh án Đẩu (đồng đội cũ của Phùng), người đàn bà đã đến tòa án huyện. Tuy nhiên chị đã từ chối sự giúp đỡ của Phùng và Đẩu, nhất quyết không bỏ chồng mình. Phùng trở về và tấm ảnh Chiếc thuyền ngoài xa đã được chọn vào bộ lịch năm ấy. Nhưng mỗi lần đứng trước tấm ảnh đen trắng ấy, Phùng đều nhìn thấy người đàn bà tội nghiệp bước ra từ ảnh.

**2. Phân tích nhân vật**

**a. Lai lịch, ngoại hình, số phận**

\* Người đàn bà không hề có một cái tên. Người ta gọi chị là “mụ”, “chị ta”, “người đàn bà”.

 \* Ngoại hình

- Trạc 40 tuổi, “thân hình cao lớn”, thân hình “cao lớn với những đường nét thô kệch”, “rỗ mặt”, lúc nào cũng xuất hiện với “khuôn mặt mệt mỏi, tái ngắt, tấm lưng áo bạc thếch và rách rưới, nửa than dưới ướt sũng”.

 => người đàn xà xấu xí, thô kệch -> gợi ấn tượng về cuộc đời lam lũ, cực nhọc.

- Khi khắc họa hình ảnh người đàn bà, tác giả chú ý đến đôi mắt của bà: khi chuẩn bị để cho chồng đánh, “bà đưa cặp mắt nhìn xuống chân”, khi đối thoại với chánh án, bà lại “đưa cặp mắt mệt mỏi nhìn ra ngoài bờ phá”, khi bắt đầu kể chuyện đời mình thì “con mắt ấy như nhìn suốt cả đời mình”

=> Chi tiết ấy như muốn nhấn mạnh với người đọc: trong con người ấy chứa đựng nội tâm sâu sắc vô cùng.

\* Số phận đầy bi kịch:

- Bị bệnh đậu mùa nên mặt rỗ, kém nhan sắc.

- Không ai lấy, lỡ có mang với anh thuyền chài. Từ đó làm vợ anh ta.

- Cuộc sống bấp bênh trên biển. Họ lại đông con mà trên thuyền khá chật chội -> sống triền miên trong cảnh đói nghèo.

- Có khi cả tháng trời phải ăn xương rồng luộc chấm muối.

- Bất kể lúc nào thấy khổ quá, người chồng đều xách vợ ra đánh.

=> Số phận người đàn bà đầy éo le, khổ cực.

**b. Tính cách**

 \* Là người cam chịu, nhẫn nhục.

+ Bị chồng thường xuyên đánh đập: “ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận năng” nhưng vẫn âm thầm chịu đựng “không chống trả, không tìm cách chạy trốn”. Chị tự nguyện rút vào xó bãi xe tăng kín đáo.

+ Khi đứa con chạy đến bênh vực mình, người mạ ấy cũng chỉ đau đớn thốt lên mấy tiếng “ Phác, con ơi” và “chắp tay vái lấy vái để” đứa con.

+ Khi đến tòa gặp chánh án Đẩu, bà tỏ vẻ “sợ sệt, lúng túng”, “tìm một góc tường để ngồi”. Khi chánh án mời đến lần thứ hai, bà mới “ngồi ghé vào mép chiếc ghế và cố thu người lại”.

+ Chánh án Đẩu muốn bà thoát khỏi cảnh vũ phu và khuyên nên bà nên bỏ chồng. Nhưng thật bất ngờ: “bà chắp tay vái lia vái lịa” và nói: “Qúy tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được. Đừng bắt con bỏ nó”.

 \* Thấu hiểu lẽ đời

+ Nhất quyết không bỏ chồng vì một lẽ: “đám đàn bà ở thuyền chúng tôi cần một người đàn ông chèo chống kho phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng các con..”. Lênh đênh nhiều năm trên biển, bà hiểu rằng biển có lúc dịu êm, lúc dữ dội. Vì vậy, con thuyền rất cần một người đàn ông trụ cột để con thuyền đứng vững.

+ Chị hiểu lí do khiến chồng đánh mình: do nghèo khổ, đông con, không gian tù túng, chật chội…Chị xem việc chồng đánh mình là cách để giải tỏa những uất ức trong lòng.

=> Chị bao dung, vị tha với chồng. Tấm lòng ấy thật đánh quý, đáng trân trọng.

\* Yêu thương con, hi sinh vì con

+ Qua lời giải bày của người mẹ đáng thương, chúng ta mới thấy nguồn gốc của mọi sự chịu đựng, hi sinh của bà chính là tình thương đối với những đứa con: “đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình”.

+ Chị đề nghị chồng đưa mình lên bờ mà đánh để con không thấy cảnh cha đánh mẹ.

+ Trong đau khổ, vẫn tìm thấy niềm vui nhỏ nhoi: “Vui nhất là lúc ngồi nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no. Trên thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống vui vẻ, hòa thuận”.

=> Niềm hạnh phúc đơn sơ ấy đã tiếp thêm nghị lực để chị tiếp tục chèo lái con thuyền gia đình của mình đi qua những nghịch cảnh của cuộc đời.

**3. Nghệ thuật:**

- Xây dựng người đàn bà hàng chài bằng thủ pháp đối lập giữa ngoại hình và tính cách, giữa số phận bất hạnh và tấm lòng nhân hậu => Nhà văn một lần nữa khẳng định vẻ đẹp trong tâm hồn những người phụ nữ giữa cuộc đời nhọc nhằn.

**III. KB:**

- Nỗi đau khổ, sự cam chịu, tình thương con và sự thấu hiểu lẽ đời ở người đàn bà hàng chài thật đáng được chia sẻ và cảm động.

- Thấp thoáng trong chị là bóng dáng của những người phụ nữ Việt Nam với lòng bao dung, nhân hậu và đức hi sinh.

**ĐỀ 2: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT PHÙNG (CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA)**

**I. MB**

- Nguyễn Minh Châu là cây bút tiên phong của nền Văn học Việt Nam thời kì đổi mới.

- Tác phẩm của NMC sau 1975 thường mang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh.

- Nhân vật là những con người trong hành trình nhọc nhằn đi kiếm tìm hạnh phúc.

- Chiếc thuyền ngoài xa được sáng tác năm 1983, in lần đầu trong tập Bến quê

- Nổi bật trong truyện ngắn chính là nhân vật Phùng

**II. TB**

**1. Tóm tắt sơ nét.**

Theo yêu cầu của trưởng phòng, nhiếp ảnh Phùng đến một vùng ven biển miền trung để chụp một bộ ảnh nghê thuật về Thuyền và Biển. Sau nhiều ngày, Phùng đã chụp được một cảnh trời cho. Đó là cảnh một chiếc thuyền ngoài xa ẩn trong sương sớm đẹp như một bức tranh mực tàu. Nhưng khi chiếc thuyền vào bờ, Phùng đã kinh ngạc khi chứng kiến từ chiếc thuyền đó là cảnh một người đàn ông vũ phu đánh đập vợ hết sức dã man. Và đứa con trai vì thương mẹ nên đã đánh trả lại cha mình.

Cảnh tượng đó lại tiếp diễn vào những ngày sau và Phùng đã rat ay can thiệp. Theo lời mời của chánh án Đẩu (đồng đội cũ của Phùng), người đàn bà đã đến tòa án huyện. Tuy nhiên chị đã từ chối sự giúp đỡ của Phùng và Đẩu, nhất quyết không bỏ chồng mình. Phùng trở về và tấm ảnh Chiếc thuyền ngoài xa đã được chọn vào bộ lịch năm ấy. Nhưng mỗi lần đứng trước tấm ảnh đen trắng ấy, Phùng đều nhìn thấy người đàn bà tội nghiệp bước ra từ ảnh.

**2. Nhân vật Phùng**

**A. PHÁT HIỆN THỨ NHẤT:**

**\*Phát hiện vẻ đẹp nghệ thuật**

- Sau nhiều ngày chờ đợi, cuối cùng Phùng đã chụp được một bức ảnh nghệ thuật tuyệt vời với hình ảnh chiếc thuyền ở ngoài xa. Con thuyền ấy trong buổi bình minh hiện ra rất đẹp, ấn tượng như: “một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ”.

- Theo Phùng, đó là một bức tranh hài hòa và toàn bích

 + Màu sắc: “bầu sương mù trắng như sữa có pha chút màu hồng do ánh mặt trời chiếu vào”

 + Đường nét: “ Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe”.

 + Con người: “ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mui khom khom, đang hướng vào mặt bờ”.

\* Phản ứng của Phùng:

- Tràn đầy xúc động, sung sướng vô cùng khi bắt gặp cảnh “trời cho”.

- Anh cảm thấy choáng ngợp trước khoảnh khắc ấy, anh trở nên “bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào”.

- Trong hình ảnh “chiếc thuyền ngoài xa”, Phùng đã cảm nhận cái đẹp toàn bích và thấy tâm hồn mình như được gột rửa, trở nên trong trẻo, tinh khôi.

=> Qua việc khám phá bức ảnh “chiếc thuyền ngoài xa” của Phùng, tác giả muốn đề ra một quan niệm về nghệ thuật: nghệ thuật chân chính bao giờ cũng bắt nguồn từ cuộc sống và phục vụ cho cuộc sống; người nghệ sĩ phải có tài năng, có sự lao động miệt mài và phải có sự xúc động trước cái đẹp thì mới sáng tạo được những tác phẩm có giá trị.

**B) PHÁT HIỆN THỨ HAI:**

\* Phát hiện về hiện thực cuộc sống.

- Khi chiếc thuyền tiến gần vào bờ, Phùng đã chứng kiến:

• Hình ảnh:

+ Người đàn bà: cao lớn, với những đường nét thô kệch, rỗ mặt, khuôn mặt mệt mỏi(…) tái ngắt và dường như đang buồn ngủ, tấm lưng áo bạc phếch và rách rưới.

+ Người đàn ông: tấm lưng rộng và cong, mái tóc tổ quạ, đi chân chữ bát, hàng lông mày cháy nắng, hai con mắt đầy vẻ độc dữ.

=> Hình ảnh xấu xí, sù sì, trần trụi, thô mộc, gai góc của đời sống, đối lập với vẻ lãng mạn của khung cảnh thiên nhiên trong bức ảnh nghệ thuật.

• Hành động:

+ Người đàn ông: hùng hổ, dữ dằn “dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào người đàn bà”, vừa đánh vừa nguyền rủa: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ”. => hành động hung bạo, dã man, lạnh lùng, như một con thú dữ.

+ Người đàn bà: cam chịu đầy nhẫn nhục, không hề kêu lên một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách chạy trốn.

+ Đứa con: giằng thắt lưng, quật lại bố để bảo vệ mẹ.

=> Phát hiện về một hiện thực gồ ghề, gai góc, ngang trái, phức tạp, không dễ lí giải, khác xa, thậm chí đối lập với vẻ đẹp bình yên của tác phẩm nhiếp ảnh.

\* Phản ứng của nghệ sĩ Phùng:

- Cảnh tượng ấy khiến người nghệ sĩ choáng váng, bất ngờ: “Phùng kinh ngạc đến mức, trong mấy phú đầu, tôi cứ há mồm ra mà nhìn”.

- Anh không làm ngơ trước cái ác: “tôi vứt chiếc máy ảnh xuống đất, chạy nhào tới”.

=> Bức tranh thiên nhiên từ tuyệt mĩ, bức tranh cuộc sống thì cay đắng, trấn trụi.

**C. CÂU CHUYỆN CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ Ở TÒA ÁN HUYỆN**

- Phùng lắng nghe câu chuyện của người đàn bà ở toàn án. Vì thương con, vì ý thức phải sống cho con, vì trên thuyền rất cần một người đàn ông chèo chống khi phong ba bão táp, vì sự bao dung, độ lượng… mà người đàn bà nhất quyết không bỏ chồng mình.

- Phùng đã nhận thức ra nhiều điều từ câu chuyện ấy:

 + Đằng sau lớp vỏ bề ngoài xấu xí, thô kệch của người đàn bà là cả một tình mẫu tử thiêng liêng, là tấm lòng vị tha, độ lượng, là khát khao hạnh phúc đời thường.

 + Để hiểu sự thật ở cuộc đời, người nghệ sĩ phải có cái nhìn đa chiều và sâu sắc hơn.

 + Muốn giải quyết những vấn đề của cuộc sống, đôi khi không chỉ dựa vào lí thuyết, sách vở mà cần sự thấu hiểu cuộc đời.

**3. Nghệ thuật.**

- Nghệ thuật tạo tình huống truyện độc đáo đã giúp người đọc nhận ra nhiều triết lí về nghệ thuật, về cuộc đời.

- Những yếu tố nghệ thuật đặc sắc như thủ pháp đối lập, tương phản, kịch tính trong hành động và diễn biến câu chuyện… đã làm nên sức hấp dẫn của tác phẩm.

**III. KB**

 Qua những khám phá, phát hiện của nhân vật Phùng, tác giả gửi gắm những chiêm nghiệm sâu sắc của mình về nghệ thuật : nghệ thuật chân chính phải luôn luôn gắn bó với cuộc đời và vì cuộc đời; người nghệ sĩ không thể nhìn đời một cách giản đơn, cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách đa diện, nhiều chiều.

**\* BÀI TẬP:**

1. Phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” – Nguyễn Minh Châu?

2. Phân tích nhân vật Phùng qua hai lần phát hiện trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” – Nguyễn Minh Châu?